

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN TO, TP. HN

Bản án số: **78/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 28/12/2020

V/v: *Chị T xin ly hôn anh H.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO

THÀNH PHỐ HN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huy Trọng;

Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Việt Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TO, Thành phố HN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TO, Thành phố HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 296/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, về việc: *Tranh chấp ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/12/2020, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn: Chị NTT*, tên gọi khác: **T**, sinh năm 1998. Nghề nghiệp: Công nhân. Đăng ký HKTT: xóm 4, ĐT, xã KT, huyện TO, HN.

+ *Bị đơn: Anh PHH*, Tên gọi khác: Không có, sinh năm 1993. Nghề nghiệp: Thợ làm tóc. Đăng ký HKTT: xóm 4, ĐT, xã KT, huyện TO, HN.

Tại phiên tòa các bên đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị NTT trình bày: Chị và anh H kết hôn có tình cảm và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KT ngày 02/02/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó đến tháng 3 năm 2020 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, có lần dẫn đến xô xát. Sau đó, chị chuyển đi chỗ khác ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là NMA, sinh ngày 19/9/2018. Ly hôn chị và anh Hải thống nhất thỏa thuận, anh Hải trực

tiếp nuôi dưỡng cháu NMA, sinh ngày 19/9/2018; việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Anh PHH trình bày: Vợ chồng chị lấy nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn như chị Thương trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 3 năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm; dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng thực sự đã hết chị Thương có đơn xin ly hôn, anh cũng thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh cũng thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu NMA, sinh ngày 19/9/2018. Ly hôn anh và chị T thống nhất thỏa thuận, anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu NMA, sinh ngày 19/9/2018; việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng và vay nợ chung: Không có.

Tòa án tiến hành hòa giải và lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/11/2020, cũng trong ngày 26/11/2020 chị T làm đơn gửi tòa án xin thay đổi ý kiến đối với sự thỏa thuận nuôi con chung, đề nghị được thay đổi như sau:

Chị xin được thay đổi nuôi con chung là NMA, sinh ngày 19/9/2018 vì con nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Do chị T có đơn xin thay đổi việc nuôi con chung, thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận ngày 26/11/2020. Đồng thời anh PHH cũng không đồng ý với sự thay đổi nuôi con của chị T, nên Tòa án không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa: Chị T và anh H vẫn giữ quan điểm thuận tình ly hôn, về con chung chị T và anh H đều giữ nguyên quan điểm xin được nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TO (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2015: Chấp nhận yêu cầu của chị NTT xử cho chị T được ly hôn với anh H.

Về con chung đề nghị: Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2015, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu NMA, sinh ngày 19/9/2018 chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ nên giao con chung cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc có yêu cầu khác thay đổi khác, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H. Anh H được phép thăm hỏi, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Chị NTT khởi kiện yêu cầu ly hôn anh PHH nên thuộc tranh chấp về *Ly hôn* theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh PHH có hộ khẩu thường trú tại: xã KT, huyện TO, thành phố HN nên thuộc thẩm quyền thụ lý của Tòa án nhân dân huyện TO, thành phố HN theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị NTT và anh PHH được xây dựng trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KT vào ngày 02/02/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đến tháng 3 năm 2020 chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở; vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn nên là căn cứ để xác định cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc và khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn; vì lẽ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H và ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị T và anh H có 01 con chung là cháu NMA, sinh ngày 19/9/2018. Tòa án tiến hành hòa giải và lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/11/2020, anh chị tự nguyện thống nhất thỏa thuận với nhau về việc nuôi con nhưng sau đó chị T có đơn gửi tòa án xin thay đổi ý kiến đối với sự thỏa thuận nuôi con chung trong thời hạn 7 ngày vì con chưa đủ 36 tháng tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy về điều kiện, chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị T và anh H là như nhau, đảm bảo điều kiện vật chất, tinh thần, tuy nhiên vì con chung chưa đủ 36 tháng tuổi cả anh và chị không tự thỏa thuận việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên khi bố mẹ ly hôn nên cần giao NMA, sinh ngày 19/9/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: chị Thương phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị NTT và anh PHH.

2. Về con chung: Giao chị NTT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung NMA, sinh ngày 19/9/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh PHH đến khi có yêu cầu khác.

Sau khi ly hôn anh PHH có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: chị NTT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 02361 ngày 25 /11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị NTT và bị đơn anh PHH có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND TP HN ;
- VKSND huyện TO;
- THA huyện TO;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA